|  |  |
| --- | --- |
| BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG Số: /2021/TT-BTNMT | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2021* |

**THÔNG TƯ**

**Quy định chi tiết Luật Đất đai và Nghị định**

**quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Đất đai**

*Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,*

*Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định chi tiết Luật Đất đai và Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

1. **Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này sửa đổi, bổ sung một số Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai, gồm:

1. Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
2. Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 quy định về hồ sơ địa chính;
3. Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 quy định về bản đồ địa chính;
4. Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
5. Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27 tháng 01 năm 2015 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014của Chính phủ;
6. Thông tư số 07/2017/TT-BTNMT 26 tháng 02 năm 2015 quy định việc lập phương án sử dụng đất; lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất; đo đạc, lập bản đồ địa chính; xác định giá thuê đất; giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với công ty nông, lâm nghiệp;
7. Thông tư số 61/2015/TT-BTNMTngày 15 tháng 12 năm 2015 quy định về cấp và quản lý Chứng chỉ định giá đất;
8. Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;
9. Thông tư số 24/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 sửa đổi và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành, liên tịch ban hành của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
10. **Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường các cấp, Văn phòng đăng ký đất đai, công chức địa chính ở xã, phường, thị trấn.

2. Người sử dụng đất, người được Nhà nước giao quản lý đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Chương II**

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ THÔNG TƯ QUY ĐỊNH CHI TIẾT LUẬT ĐẤT ĐAI VÀ NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT, HƯỚNG DẪN THI HÀNH LUẬT ĐẤT ĐAI**

1. **Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**
2. **Bổ sung khoản 3 vào Điều 15 như sau:**

“3. Đối với trường hợp cấp huyện không có đơn vị hành chính cấp xã thì nội dung mã vạch thể hiện dãy số nguyên dương, có cấu trúc dạng MV=MH.MN.ST, trong đó:

a) MH là mã đơn vị hành chính cấp huyện nơi có thửa đất, được thể hiện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ về danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.

Trường hợp cấp Giấy chứng nhận thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì ghi thêm mã của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định vào trước mã của cấp huyện nơi có đất.

b) MN là mã của năm cấp Giấy chứng nhận, gồm hai chữ số sau cùng của năm ký cấp Giấy chứng nhận.

c) ST là số thứ tự lưu trữ của hồ sơ thủ tục đăng ký đất đai tương ứng với Giấy chứng nhận được cấp lần đầu.

Trường hợp một hồ sơ đăng ký mà ghi vào một Giấy chứng nhận không hết, phải ghi vào nhiều Giấy chứng nhận để cấp theo quy định tại Điểm c Khoản 9 Điều 6 và Khoản 8 Điều 7 của Thông tư này thì các Giấy chứng nhận này được ghi chung một số thứ tự lưu trữ của hồ sơ thủ tục đăng ký đất đai đó.”

1. **Sửa đổi, bổ sung Điểm đ Khoản 1 Điều 17 như sau:**

“ đ) Nhà đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao *và người sử dụng đất ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao* thực hiện đăng ký cho thuê, thuê lại đất; xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại đất.”

1. **Sửa đổi, bổ sung Điểm m Khoản 1 Điều 17 như sau:**

“m) Thay đổi thông tin về số hiệu thửa; diện tích thửa do đo đạc*; thay đổi diện tích đất ở trong thửa đất có vườn, ao gắn liền với nhà ở do xác định lại*; tên đơn vị hành chính nơi có thửa đất;”

1. **Sửa đổi, bổ sung Khoản 6a Điều 18 như sau:**

“6a) Trường hợp cho thuê đất, cho thuê lại đất, trừ trường hợp cho thuê đất, cho thuê lại đất trong khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, làng nghề, khu kinh tế, khu công nghệ cao thì trên Giấy chứng nhận của bên cho thuê đất, cho thuê lại đất được ghi: “Cho … (*ghi tên và địa chỉ bên thuê đất, thuê lại đất*) thuê (thuê lại) thửa đất số … diện tích … m2 đến … *(ghi ngày tháng năm kết thúc thời hạn thuê đất, thuê lại đất)*, không thuộc trường hợp nhận quyền sử dụng đất,theo hồ sơ số … *(ghi mã hồ sơ thủ tục đăng ký)*.”

Trường hợp chấm dứt việc cho thuê đất thì thực hiện xóa đăng ký cho thuê đất; Giấy chứng nhận của người sử dụng đất được ghi: *“Đã xoá đăng ký cho thuê QSDĐ ngày …/…/… theo hồ sơ số…* (*ghi mã hồ sơ thủ tục đăng ký).”*

1. **Sửa đổi, bổ sung Khoản 9 Điều 18 như sau:**

“9. Trường hợp thay đổi số hiệu thửa đất thì ghi “Số thửa đất thay đổi lại là… do... *(ghi lý do thay đổi)*”; thay đổi số thứ tự tờ bản đồ thì ghi “Số mới của tờ bản đồ là… do... *(ghi lý do thay đổi)*”; thay đổi diện tích thửa đất do đo đạc lại thì ghi “Diện tích thửa đất đo đạc lại là… m2; thay đổi diện tích đất ở trong thửa đất có vườn, ao gắn liền với nhà ở do xác định lại thì ghi “Diện tích đất ở xác định lại là… m2.”

Trường hợp thay đổi tên đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì ghi “Đổi tên xã (hoặc phường, thị trấn, huyện,...) thành... *(ghi tên mới của đơn vị hành chính).*”

1. **Sửa đổi, bổ sung khoản 16 Điều 18 như sau:**

“16. Trường hợp Nhà nước thu hồi một phần diện tích của thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận thì Giấy chứng nhận đã cấp được ghi "Nhà nước thu hồi... m2, diện tích còn lại là... m2 có số hiệu thửa là..., tài sản gắn liền với đất còn lại là... *(ghi đối với trường hợp đã chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất)*, theo hồ sơ số... *(ghi mã hồ sơ thủ tục đăng ký)".*

Trường hợp người sử dụng đất tự nguyện hiến, *tặng cho* một phần diện tích của thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận để làm đường giao thông, thủy lợi hoặc công trình công cộng khác thì Giấy chứng nhận đã cấp được ghi "Đã ...*(ghi hình thức hiến hoặc tặng cho)*… m2 để làm... *(đường giao thông hoặc thủy lợi hoặc công trình công cộng khác)* theo... *(ghi tên và ngày tháng năm ký văn bản về việc hiến, tặng cho đất);* diện tích còn lại là... m2".”

1. **Bổ sung khoản 19 vào Điều 18 như sau:**

“19. Trường hợp trên Giấy chứng nhận đã cấp chung cho nhiều thửa đất, có thửa đất được tách ra để cấp riêng một Giấy chứng nhận thì trên Giấy chứng nhận đã cấp ghi “Thửa đất... (*ghi số thửa, số tờ bản đồ*) diện tích…m2 được tách ra để cấp riêng Giấy chứng nhận; theo hồ sơ số… (*ghi mã hồ sơ thủ tục đăng ký*).”

1. **Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 quy định về hồ sơ địa chính**
2. **Bổ sung Khoản 6 vào Điều 8 như sau:**

“6. Trường hợp đơn vị hành chính cấp huyện không có đơn vị hành chính cấp xã thì Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo mẫu số 04e/ĐK.”

1. **Sửa đổi, bổ sung Điểm a Khoản 1 Điều 9 như sau:**

“a) Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đấttheo Mẫu số 04đ/ĐK của từng hộ gia đình, cá nhân;”

1. **Sửa đổi, bổ sung Điểm b Khoản 3 Điều 9 như sau:**

“b) Bản gốc Giấy chứng nhậnđã cấp đối với trường hợp cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất và trường hợp góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.”

1. **Sửa đổi, bổ sung Điểm c Khoản 5 Điều 9 như sau:**

“c) Một trong các loại giấy tờ gồm: Biên bản hòa giải thành (trường hợp hòa giải thành mà có thay đổi ranh giới thửa đất thì có thêm quyết định công nhận của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền) hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai theo quy định của pháp luật; văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng thế chấp có nội dung thỏa thuận về xử lý tài sản thế chấp; văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng góp vốn có nội dung thỏa thuận về xử lý tài sản góp vốn và văn bản bàn giao tài sản góp vốn theo thỏa thuận; quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành có nội dung xác định người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; văn bản kết quả đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo yêu cầu của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản hoặc yêu cầu của Tòa án nhân dân, cơ quan thi hành án đã được thi hành; hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận phân chia hoặc hợp nhất hoặc chuyển giao quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của tổ chức trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức, chuyển đổi công ty; hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận phân chia hoặc hợp nhất quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình hoặc của vợ và chồng hoặc của nhóm người sử dụng đất chung, nhóm chủ sở hữu chung tài sản gắn liền với đất;”

1. **Sửa đổi, bổ sung Điều 9b như sau:**

“**Điều 9b. Đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, *cá nhân* mua bán nợ theo quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội**

1. Việc đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, *cá nhân* mua bán nợ mà quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội được thực hiện trong trường hợp các giao dịch thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan; việc mua bán nợ là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật về mua bán nợ.

2. Hồ sơ nộp khi thực hiện thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, bao gồm:

a) Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK;

b) Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp;

c) Văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng thế chấp có nội dung thỏa thuận về xử lý tài sản thế chấp là bên nhận thế chấp, bên nhận bảo lãnh được nhận chính tài sản bảo đảm đó;

d) Văn bản về việc mua bán nợ theo quy định của pháp luật về mua bán nợ có nội dung thỏa thuận về việc tổ chức, *cá nhân* mua nợ được kế thừa quyền và nghĩa vụ của bên nhận thế chấp, bên nhận bảo lãnh đã giao kết trong hợp đồng thế chấp, hợp đồng bảo lãnh;

đ) Văn bản về việc bàn giao tài sản mua bán nợ hoặcvăn bản giải quyết của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đối với trường hợp không thỏa thuận được việc bàn giao tài sản mua bán nợ *hoặcbiên bản thu giữ tài sản theo quy định tại Khoản 5 Điều 7 của Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu.”*

1. **Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:**

**“Điều 11. Việc nộp giấy tờ khi thực hiện thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ thực hiện thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận không được yêu cầu người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất nộp thêm các giấy tờ khác ngoài các giấy tờ phải nộp theo quy định tại các Điều 8, 9, 9a, 9b và 10 của Thông tư này và các giấy tờ quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 4, các Khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 6, các Khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 7, Khoản 1 Điều 8 của Thông tư liên tịch số 88/2016/TT-BTC-BTNMT ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất.

2. Khi nộp các giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai, các Điều 18, 31, 32, 33 và 34 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, Khoản 16 Điều 2 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP (nếu có) để làm thủ tục đăng ký lần đầu hoặc đăng ký biến động theo quy định tại các Điều 8, 9, 9a, 9b và 10 của Thông tư này thì người nộp hồ sơ được lựa chọn một trong các hình thức sau:

a) Nộp bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực;

b) Nộp bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu và xác nhận vào bản sao;

c) Nộp bản chính giấy tờ.

3. Trường hợp nộp bản sao giấy tờ quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 2 Điều này thì khi nhận Giấy chứng nhận, người được cấp Giấy chứng nhận phải nộp bản chính các giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho cơ quan trao Giấy chứng nhận để chuyển lưu trữ theo quy định của Thông tư này; trừ các giấy tờ là giấy phép xây dựng; quyết định phê duyệt dự án đầu tư, quyết định đầu tư, giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư.

4. Khi nộp chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký biến động về đất đai, tài sản gắn liền với đất thì người nộp hồ sơ được lựa chọn một trong các hình thức sau:

a) Nộp bản sao đã có công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực;

b) Nộp bản sao và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu và xác nhận vào bản sao;

c) Nộp bản chính (đối với trường hợp có 2 bản chính).

5. Trường hợp Văn phòng đăng ký đất đai đã trang bị máy quét (scan) thì việc nộp hồ sơ khi thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được thực hiện theo quy định sau đây:

a) Người làm thủ tục đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận lần đầu xuất trình bản chính các giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai và các Điều 18, 31, 32, 33, 34 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP (nếu có) để quét (scan) trực tiếp tại Văn phòng đăng ký đất đai.

Chi phí cho việc quét (scan) các giấy tờ nêu trên do người làm thủ tục đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận chi trả theo mức thu do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sau khi được Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua;

b) Văn phòng đăng ký đất đai đóng dấu xác nhận “Đã cấp Giấy chứng nhận” vào bản chính giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và trả bản chính giấy tờ cho người làm thủ tục khi trao Giấy chứng nhận.

Trường hợp giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất còn giá trị để cấp Giấy chứng nhận (như giấy tờ thừa kế cho nhiều người mà mới cấp Giấy chứng nhận cho một hoặc một số người và còn một hoặc một số người chưa cấp Giấy chứng nhận,...) thì sau mỗi lần cấp Giấy chứng nhận, Văn phòng đăng ký đất đai đóng dấu xác nhận “Đã cấp Giấy chứng nhận cho ... (ghi tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đã được cấp Giấy chứng nhận)”; khi giấy tờ đã hết giá trị để cấp Giấy chứng nhận (đã cấp Giấy chứng nhận cho tất cả người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất được nhận quyền thể hiện trên giấy tờ) thì đóng dấu xác nhận “Đã cấp Giấy chứng nhận”.

6. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, việc nộp hồ sơ khi thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được thực hiện thống nhất theo hình thức quy định tại Khoản 5 Điều này.

**7.** Hồ sơ đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận hợp lệ (hồ sơ đăng ký hợp lệ) là hồ sơ bảo đảm đầy đủ các nội dung sau:

a) Hồ sơ có đủ thành phần hồ sơ để thực hiện thủ tục theo quy định tại Thông tư này;

b) Nội dung kê khai trong các giấy tờ (đối với các giấy tờ phải kê khai) phải đầy đủ theo quy định;

c) Nội dung kê khai giữa các giấy tờ phải bảo đảm thống nhất.

8. Trường hợp Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục đăng ký đất đai, tài sản khác gắn liền với đất; cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận theo nhu cầu về thời gian và địa điểm của người yêu cầu cung cấp dịch vụ thì thực hiện theo hợp đồng dịch vụ.”

1. **Sửa đổi, bổ sung Điểm u, v Khoản 2 Điều 19 như sau:**

“u) Trường hợp thu hồi đất thì thể hiện: “Nhà nước thu hồi đất theo hồ sơ số... *(ghi mã hồ sơ thủ tục đăng ký)”.*

Trường hợp Nhà nước thu hồi một phần thửa đất thì thể hiện: “Nhà nước thu hồi... m², diện tích còn lại là... m² có số hiệu thửa là…, tài sản gắn liền với đất còn lại là…, theo hồ sơ số... *(ghi mã hồ sơ thủ tục đăng ký)”.”*

Trường hợp người sử dụng đất tự nguyện hiến, *tặng cho* một phần diện tích của thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận để làm đường giao thông, thủy lợi hoặc công trình công cộng khác thì thể hiện: “Đã … *(ghi hình thức hiến hoặc tặng cho)*... m2 để làm... *(đường giao thông hoặc thủy lợi hoặc công trình công cộng khác)* theo... *(ghi tên và ngày tháng năm ký văn bản về việc hiến, tặng cho);* diện tích còn lại là... m2”.

v) Trường hợp hợp thửa thì thể hiện: *“*Hợp với các thửa đất số… *(ghi số thứ tự các thửa đất cũ hợp thành thửa đất mới)* thành thửa đất số… *(ghi số thứ tự thửa đất mới hợp thành)* theo hồ sơ số… *(ghi mã hồ sơ thủ tục đăng ký)”*. Tại trang đăng ký của thửa đất mới thì thể hiện: “Hợp từ các thửa đất số… *(ghi số thứ tự các thửa đất cũ hợp thành thửa đất mới)* theo hồ sơ số… *(ghi mã hồ sơ thủ tục đăng ký)”*.

Trường hợp tách thửa thì thể hiện: *“*Tách thành các thửa đất số… *(ghi lần lượt số thứ tự thửa đất được tách ra từ thửa đất cũ),* theo hồ sơ số… *(ghi mã hồ sơ thủ tục đăng ký)”*. Tại trang đăng ký của thửa đất mới được tách thì thể hiện: “Tách từ thửa đất số… *(ghi số thửa đất trước khi tách ra để chuyển quyền)* theo hồ sơ số… *(ghi mã hồ sơ thủ tục đăng ký)”*;

Trường hợp trên GCN đã cấp chung cho nhiều thửa đất, có thửa đất được tách ra để cấp riêng một GCN thì thể hiện:*“*Cấp sang GCN mới do tách ra từ GCN số … (*ghi số phát hành và số vào sổ của GCN cũ đã cấp chung cho nhiều thửa đất)*, theo hồ sơ số… *(ghi mã hồ sơ thủ tục đăng ký)”.*”

1. **Sửa đổi, bổ sung Điểm w Khoản 2 Điều 19 như sau:**

“w) Trường hợp đo đạc lại*mà dẫn đến* thửa đất có thay đổi số thửa, diện tích thửa đất thì thể hiện: *“… (ghi loại thông tin có thay đổi)* thay đổi từ… (*ghi thông tin trước khi thay đổi*) thành… (*thể hiện lần lượt các thông tin có thay đổi*) dođo đạc lại ngày… theo hồ sơ số… (*ghi mã hồ sơ thủ tục đăng ký*)*”.*

Ví dụ:Trường hợp đo đạc mà có thay đổi số thửa 30 thành số 115, diện tích thửa đất thay đổi từ 600m2 thành 650m2 thì ghi: *“Số thửa đất thay đổi từ số 30 thành số 115; diện tích thay đổi từ 600m2 thành 650m2 do đo đạc lại ngày 15 tháng 10 năm 2013”*.

Trường hợp thay đổi tên đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì thể hiện:*“*Đổi tên… (*ghi tên đơn vị hành chính trước thay đổi*) thành... *(ghi tên mới của đơn vị hành chính)”*.

Ví dụ:Trường hợp thay đổi tên đơn vị hành chính huyện Từ Liêm thành quận Bắc Từ Liêm thì ghi: *“Tên huyện thay đổi từ huyện Từ Liêm thành quận Bắc Từ Liêm”.*

Trường hợp thay đổi diện tích đất ở trong thửa đất có vườn, ao gắn liền với nhà ở do xác định lại thì thể hiện:*“*Diện tích đất ở thay đổi từ… (*ghi thông tin trước khi thay đổi*) thành… (*thể hiện thông tin có thay đổi*) theo hồ sơ số… (*ghi mã hồ sơ thủ tục đăng ký*)*”.*

Ví dụ:Trường hợp được xác định lại diện tích đất ở từ 100m2 thành 500m2 thì ghi:*“Diện tích đất ở thay đổi từ 100m2 thành 500m2 theo hồ sơ số…”.”*

1. **Sửa đổi mục 3 Mẫu số 03/ĐK ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT như sau:**

“3. Giấy chứng nhận đã ký được vào sổ cấp GCN theo thứ tự liên tiếp tương ứng với thứ tự ký cấp GCN; *đối với trường hợp sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã theo quy định thì thực hiện đánh số thứ tự tiếp theo của Sổ cấp Giấy chứng nhận của đơn vị hành chính cấp xã có số thứ tự lớn nhất*; nội dung thông tin của hai GCN liên tiếp được chia cách bằng một đường thẳng gạch ngang bằng mực đen.”

1. **Sửa đổi, bổ sung mã của loại hình biến động theo số thứ tự 34 tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT như sau:**

“Trường hợp đo đạc lại thửa đất mà có thay đổi diện tích, số hiệu thửa đất, số hiệu tờ bản đồ; thay đổi diện tích đất ở trong thửa đất có vườn, ao gắn liền với nhà ở do xác định lại.”

1. **Bổ sung mã của loại hình biến động theo số thứ tự 36 vào Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT như sau:**

“Giấy chứng nhận đã cấp chung cho nhiều thửa đất có thửa đất được tách ra để cấp riêng một Giấy chứng nhận - Mã TT.”

1. **Sửa đổi, bổ sung mẫu đơn số 09/ĐK.**
2. **Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 05 năm 2014 quy định về bản đồ địa chính**
3. **Sửa đổi, bổ sung điểm 1.5 Khoản 1 Điều 17 như sau:**

“1.5. Việc chỉnh lý số thứ tự thửa đất được quy định như sau:

a) Trường hợp thửa đất mới phát sinh do tách thửa, hợp thửa thì hủy bỏ số thứ tự thửa đất cũ, số thửa mới được đánh số tiếp theo số thứ tự thửa đất có số hiệu lớn nhất trong tờ bản đồ; đồng thời phải lập “Bảng các thửa đất chỉnh lý” ở vị trí thích hợp trong hoặc ngoài khung bản đồ, trừ trường hợp chỉnh lý bản đồ địa chính trong cơ sở dữ liệu địa chính. Nội dung “Bảng các thửa đất chỉnh lý” phải thể hiện số thứ tự, mã loại đất và diện tích thửa đất tách, hợp đã được chỉnh lý và số thứ tự thửa, mã loại đất và diện tích mới của thửa đất đó sau chỉnh lý;

b) Trường hợp nhà nước thu hồi một phần thửa đất mà phần thu hồi không tạo thành thửa đất mới và phần diện tích còn lại không bị chia cắt thành nhiều thửa đất thì phần diện tích còn lại không thu hồi vẫn giữ nguyên số thứ tự thửa đất cũ.

*c) Chỉnh lý số thứa tự thửa đất sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã*

*Khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã mà địa phương chưa có điều kiện để chỉnh lý đồng bộ từ bản đồ địa chính đến các hồ sơ, tài liệu có liên quan khác theo quy định thì thực hiện như sau:*

*- Trường hợp nhập xã:*

*Đánh lại số thứ tự tờ bản đồ địa chính theo hướng giữ lại số thứ tự các tờ bản đồ địa chính của xã sau khi hợp nhất có trụ sở Uỷ ban nhân dân đóng trên địa bàn, đánh lại số thứ tự tờ bản đồ địa chính của xã còn lại theo số tiếp theo số thứ tự tờ bản đồ địa chính có số thứ tự lớn nhất của xã kia.*

*Trường hợp một số mảnh bản đồ địa chính có đường địa giới xã cũ đi qua thì căn cứ vào yêu cầu thực tiễn tại địa phương, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét quyết định việc ghép mảnh bản đồ địa chính hoặc giữ nguyên mảnh bản đồ địa chính cũ để đảm bảo đáp ứng được yêu cầu sử dụng và quản lý bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính tại địa phương.*

*Đối với các yếu tố thông tin của bản đồ địa chính thuộc đơn vị hành chính xã cũ, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét ghi chú ngoài khung bản đồ để tiện việc tra cứu sử dụng sau này. Sổ mục kê và các tài liệu liên quan khác được chỉnh lý theo kết quả biên tập bản đồ.*

*- Trường hợp tách xã thành các xã riêng biệt:*

*Không thực hiện đánh lại số thứ tự tờ bản đồ địa chính sau khi chia tách xã để hình thành các xã mới riêng biệt.*

*Các yếu tố thông tin của bản đồ địa chính thuộc đơn vị hành chính xã cũ, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét ghi chú ngoài khung bản đồ để tiện việc tra cứu sử dụng sau này. Sổ mục kê và các tài liệu liên quan khác được chỉnh lý theo kết quả của bản đồ địa chính.*

*- Trường hợp tách một phần xã để hợp nhất với xã khác:*

*Việc chỉnh lý lại số thứ tự tờ bản đồ địa chính theo hướng giữ nguyên số thứ tự các tờ bản đồ địa chính đối với phần diện tích còn lại của xã bị tách (phần diện tích không bị sáp nhập với xã khác) và số thứ tự các tờ bản đồ địa chính của xã nhập (xã sáp nhập một phần diện tích của xã kia vào), chỉnh lý lại số thứ tự tờ bản đồ địa chính đối với phần diện tích bị tách ra theo số tiếp theo số thứ tự tờ bản đồ địa chính có số thứ tự lớn nhất của nhập.*

*Các nội dung khác thực hiện tương tự như đối với trường hợp nhập xã.*

*- Trường hợp giải thể các xã chỉ còn cấp huyện (đơn vị hành chính cấp huyện không có xã):*

*Các yếu tố thông tin của bản đồ địa chính thuộc đơn vị hành chính xã cũ, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét ghi chú ngoài khung bản đồ để tiện việc tra cứu sử dụng sau này. Sổ mục kê và các tài liệu liên quan khác được chỉnh lý theo kết quả của bản đồ địa chính.*

*Trường hợp thực hiện đo đạc mới bản đồ địa chính, trích đo địa chính (trừ trường hợp trích đo địa chính phục vụ đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận đơn lẻ, thường xuyên hàng năm) thì Chính quyền địa phương ở huyện thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn mà pháp luật giao cho chính quyền địa phương ở huyện và xã trên phạm vi địa bàn theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.”*

1. **Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 21 như sau:**

“1. Khi thực hiện đo đạc bản đồ địa chính phải lập thiết kế kỹ thuật - dự toán theo quy định *tại Thông tư này, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này. Thiết kế kỹ thuật - dự toán phải được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định trước khi trình cơ quan quyết định đầu tư phê duyệt*.

Thiết kế kỹ thuật - dự toán sau khi được phê duyệt phải nộp *01 bộ(dạng số)* về Bộ Tài nguyên và Môi trường (Tổng cục Quản lý đất đai) kèm theo Quyết định phê duyệt để kiểm tra việc thực hiện và theo dõi, giám sát.”

1. **Bổ sung khoản 1a vào Điều 21 của Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT như sau:**

“1a. Việc đo đạc lập, chỉnh lý bản đồ địa chính, trích đo địa chính thửa đất phải gắn với việc đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, lập cơ sở dữ liệu địa chính hoặc giao đất, thu hồi đất hoặc bồi thường, giải phóng mặt bằng hoặc giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai hoặc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.”

1. **Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất**

Sửa đổi, bổ sung Điều 5 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT) như sau:

**“Điều 5. Xác định diện tích đất nông nghiệp để tính hỗ trợổn định đời sống; *đất nông nghiệp đượchỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc* làm khi Nhà nước thu hồi đất**

1. Diện tích đất nông nghiệp thu hồi để tính hỗ trợ ổn định đời sống quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 19 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được xác định theo từng quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền, không cộng dồn diện tích đất nông nghiệp đã thu hồi của các quyết định thu hồi đất trước đó.

2. Diện tích đất nông nghiệp được hỗ trợ ổn định đời sống là diện tích đất nông nghiệp do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng trong phạm vi xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi tại thời điểm có quyết định thu hồi đất.

*3. Đất nông nghiệp được hỗ trợ ổn định đời sống;hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất,bao gồm:*

a) Đất nông nghiệp có nguồn gốc được Nhà nước giao cho hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi thực hiện Nghị định số 64/CP ngày 27 tháng 9 năm 1993 của Chính phủ ban hành Bản quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp; Nghị định số 85/1999/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 1999 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Bản quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp và bổ sung việc giao đất làm muối cho hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định lâu dài; giao đất lâm nghiệp khi thực hiện Nghị định số 02/CP ngày 15 tháng 01 năm 1994 của Chính phủ ban hành Bản quy định về việc giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp; Nghị định số 163/1999/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 1999 của Chính phủ về việc giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai; Khoản 1 Điều 54 của Luật đất đai năm 2013;

b) Đất nông nghiệp do hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định của pháp luật về đất đai đang sử dụng do nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, được tặng cho theo quy định của pháp luật, được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi xác nhận là đang trực tiếp sản xuất trên đất nông nghiệp đó;

*c) Đất nông nghiệp do hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định của pháp luật về đất đai đang sử dụng không có giấy tờ về quyền sử dụng đất, không vi phạm pháp luật về đất đai, đủ điều kiện được bồi thường về đất, được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi xác nhận là đang trực tiếp sản xuất trên đất nông nghiệp đó;*

*d)* Đất nông nghiệp do hộ gia đình, cá nhân nhận giao khoán đất của nông, lâm trường quốc doanh để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thuỷ sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ), khi Nhà nước thu hồi mà thuộc đối tượng đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó;

*đ)* Đất nông nghiệp do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng do nhận giao khoán đất của các công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó;

*e)*Đất nông nghiệp do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng do nhận giao khoán đất của tập đoàn sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó.

*4.*Trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất quy định tại Khoản 2 Điều này bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà việc thu hồi đất ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất của người thu hồi đất thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ tình hình thực tế tại địa phương quyết định biện pháp hỗ trợ khác quy định tại Điều 25 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP cho phù hợp.”.

1. **Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27 tháng 01 năm 2015 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP của Chính phủ**
2. **Sửa đổi Khoản 2 Điều 3 như sau:**

*“****Điều 3. Lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đối với đất bãi bồi ven sông, đất bãi bồi ven biển, đất có mặt nước ven biển***

1. Đối với các địa phương mà quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa thể hiện nội dung sử dụng đối với đất bãi bồi ven sông, đất bãi bồi ven biển thì Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện) có trách nhiệm tổ chức việc rà soát để điều chỉnh, bổ sung vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

2. Quy hoạch *tỉnh*, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là cấp tỉnh); quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là cấp huyện) có biển phải thể hiện nội dung sử dụng đối với đất có mặt nước ven biển theo quy định của pháp luật về đất đai.”

1. **Sửa đổi Khoản 1 Điều 11 như sau:**

“1. Các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng phải đăng ký biến động, bao gồm:

a) Chuyển đất trồng cây hàng năm sang đất nông nghiệp khác gồm: đất sử dụng để xây dựng nhà kính và các loại nhà khác phục vụ mục đích trồng trọt; đất xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm và các loại động vật khác được pháp luật cho phép; nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm;

b) Chuyển đất trồng cây hàng năm khác, đất nuôi trồng thủy sản sang trồng cây lâu năm;

c) Chuyển đất trồng cây lâu năm sang đất nuôi trồng thủy sản, đất trồng cây hàng năm;

d) Chuyển đất ở sang đất phi nông nghiệp không phải là đất ở;

đ) Chuyển đất thương mại, dịch vụ sang các loại đất khác thuộc đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; chuyển đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ hoặc đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp sang đất xây dựng công trình sự nghiệp.”

1. **Sửa đổi khoản 3 Điều 20 như sau:**

“7.1. Trường hợp trích đo địa chính thửa đất do Văn phòng đăng ký đất đai hoặc chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đối với nơi chưa lập Văn phòng đăng ký đất đai (sau đây gọi chung là Văn phòng đăng ký đất đai) để phục vụ đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận đơn lẻ, thường xuyên hàng năm thì phải có chữ ký của người thực hiện đo đạc, người kiểm tra và ký duyệt của Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai hoặc chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đối với nơi chưa lập Văn phòng đăng ký đất đai tại vị trí phần ngoài khung mảnh trích đo địa chính theo mẫu quy định tại Điểm 4 Mục III của Phụ lục số 01 kèm theo Thông tư này.

*Trường hợp trích đo địa chính thửa đất do đơn vị có chức năng hành nghề đo đạc bản đồ địa chính khác thực hiện để phục vụ đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận đơn lẻ, thường xuyên hàng năm thì phải có chữ ký và dấu của đơn vị đo đạc; chữ ký của người kiểm tra trực thuộc Văn phòng đăng ký đất đai; Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai ký duyệt.*”

1. **Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2015/TT-BTNMTngày 15 tháng 12 năm 2015 quy định về cấp và quản lý Chứng chỉ định giá đất**
2. **Sửa đổi, bổ sung điểm b, c khoản 1 Điều 3 như sau:**

“**Điều 3. Mẫu Chứng chỉ định giá đất**

1. Chứng chỉ định giá đất do Bộ Tài nguyên và Môi trường phát hành theo một mẫu thống nhất và được áp dụng trong phạm vi cả nước. Chứng chỉ định giá đất gồm một tờ có 04 trang, trang bìa (trang 1 và trang 4) in nền màu nâu đỏ và trang nội dung (trang 2 và trang 3) in nền hoa văn trống đồng màu vàng nhạt, Chứng chỉ có kích thước 130mm x 190mm (gọi là mẫu Chứng chỉ định giá đất); gồm các nội dung chính như sau:

...........

b) Trang 2 in chữ màu đen gồm: dòng chữ “BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG”; "**TỔNG CỤC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI**";ảnh của học viên; “Có giá trị đến:”và “Số Chứng chỉ:”.

Số Chứng chỉ bao gồm 07 chữ số, trong đó:03 số đầu là số thứ tự của Chứng chỉ bắt đầu từ số 001 đến 999, tiếp theo là số hiệu của sổ Chứng chỉ gồm 2 chữ số bắt đầu từ 01 đến 10 và năm cấp Chứng chỉ gồm 2 chữ số cuối của năm cấp.

c) Trang 3 in chữ màu đen gồm: dòng chữ Quốc hiệu; “**CHỨNG CHỈ ĐỊNH GIÁ ĐẤT**”; “**TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI**”; “Cấp cho ông/bà:”; "Ngày sinh:”; “Quốc tịch:”; “Số CMND/CCCD/Hộ chiếu”; “Ngày cấp”; “Nơi cấp”; “Được hành nghề tư vấn xác định giá đất trong phạm vi cả nước”; ngày, tháng, năm ký Chứng chỉ định giá đất; người ký Chứng chỉ định giá đất.”

1. **Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 5 như sau:**

“**Điều 5. Trình tự, thủ tục cấp Chứng chỉ định giá đất**

1. Hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ định giá đất gồm có:

………

*b)Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa bồi dưỡng về định giá đất trong thời hạn không quá 36 tháng tính đến ngày đề nghị cấp Chứng chỉ định giá đất;*

……….

2. Trình tự, thủ tục tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ định giá đất thực hiện như sau:

………

*d) Văn phòng một cửa gửi hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ định giá đất đến Cục Kinh tế và Phát triển quỹ đất - Tổng cục Quản lý đất đai trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;*

*đ) Cục Kinh tế và Phát triển quỹ đất có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ - Tổng cục Quản lý đất đai kiểm tra hồ sơ, đối với trường hợp đủ điều kiện cấp Chứng chỉ định giá đất thì Cục trưởng Cục Kinh tế và Phát triển quỹ đất xem xét, ký thừa ủy quyền (TUQ) Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai quyết định cấp Chứng chỉ định giá đất trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Quyết định về việc cấp Chứng chỉ định giá đất theo mẫu quy định tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này;*

*e) Cục Kinh tế và Phát triển quỹ đất có trách nhiệm gửi Chứng chỉ định giá đất đến Văn phòng một cửa trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày ký quyết định cấp Chứng chỉ định giá đất.”*

1. **Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 6 như sau:**

“**Điều 6. Trình tự, thủ tục cấp đổi, cấp lại Chứng chỉ định giá đất**

2. Hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng chỉ định giá đất gồm có:

………

*b)Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa bồi dưỡng về định giá đất trong thời hạn không quá 36 tháng tính đến ngày đề nghị cấp đổi Chứng chỉ định giá đất đối với trường hợp cấp đổi Chứng chỉ định giá đất (bản sao có chứng thực; trường hợp bản sao không có chứng thực thì người đề nghị cấp đổi Chứng chỉ định giá đất phải mang bản chính để đối chiếu);*

……….”

1. **Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 8 như sau:**

“**Điều 8. Thu hồi Chứng chỉ định giá đất**

*3. Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều này, Cục trưởng Cục Kinh tế và Phát triển quỹ đất xem xét, ký thừa ủy quyền (TUQ) Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai quyết định thu hồi Chứng chỉ định giá đất theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này.*

…………”

1. **Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 như sau:**

“**Điều 11. Trách nhiệm thi hành**

*2. Cục trưởng Cục Kinh tế và Phát triển quỹ đất có trách nhiệm ký thừa ủy quyền (TUQ) Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai quyết định cấp, cấp đổi, cấp lại, thu hồi Chứng chỉ định giá đất; định kỳ báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai về kết quả cấp, cấp đổi, cấp lại và thu hồi Chứng chỉ định giá đất trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.*

*Vụ Tổ chức cán bộ - Tổng cục Quản lý đất đai có trách nhiệm phối hợp với Cục Kinh tế và Phát triển quỹ đất kiểm tra hồ sơ của người đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại Chứng chỉ định giá đất.*”

1. **Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 07/2017/TT-BTNMT 26 tháng 02 năm 2015 quy định việc lập phương án sử dụng đất; lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất; đo đạc, lập bản đồ địa chính; xác định giá thuê đất; giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với công ty nông, lâm nghiệp**
2. **Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:**

***“Điều 8. Quỹ đất bàn giao cho địa phương***

*Sau khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp tại địa phương theo quy định tại Khoản 2 Điều 46 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thìthực hiện việc bàn giao quỹ đất cho địa phương theo các bước sau:*

*1. Thực hiện việc thu hồi đất đối với phần diện tích bàn giao cho địa phương theo quy định tại Điều 8a của Thông tư này;*

*2. Thực hiện việc rà soát, xác định diện tích và ranh giới đất đối với quỹ đất bàn giao cho địa phương để lập phương án sử dụng đất sơ bộ theo quy định tại Điều 8b của Thông tư này;*

*3. Thực hiện việc đo đạc, lập, chỉnh lý bản đồ địa chính và hoàn thiện phương án sử dụng đất, bản đồ phương án sử dụng đấtđối với phần diện tích bàn giao cho địa phương theo quy định tại Điều 8c của Thông tư này;*

*4. Tổ chức thực hiện phương án sử dụng đất đã được phê duyệt theo quy định tại Điều 8d của Thông tư này.*”

1. **Bổ sung Điều 8a như sau:**

“***Điều 8a. Thu hồi đất đối với phần diện tích bàn giao cho địa phương***

*1. Căn cứ thu hồi đất đối với phần diện tích bàn giao cho địa phương, gồm:*

*a) Đề án hoặc Phương án sắp xếp, đổi mới và phát triển công ty nông, lâm nghiệp đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.*

*b) Phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp;*

*c) Hiện trạng sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp;*

*d) Quỹ đất phải thu hồi của các công ty nông, lâm nghiệp bàn giao về địa phương quy định tại Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 118/2014/NĐ-CP.*

*2. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã nơi có đất, công ty nông, lâm nghiệp lập hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định thu hồi quỹ đất bàn giao cho địa phương. Hồ sơ thu hồi đất gồm:*

*a) Tờ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc ban hành quyết định thu hồi đối với quỹ đất bàn giao cho địa phương kèm theo dự thảo quyết định thu hồi đất;*

*b) Kết quả rà soát toàn bộ vị trí, diện tích, ranh giới khu đất bàn giao và bản đồ, hồ sơ, tài liệu quản lý đất đai hiện có.*

*Trường hợp vị trí, ranh giới, diện tích đất không thể hiện được trên bản đồ hiện có thì phải có sơ đồ vị trí hiện trạng thửa đất.*

*3. Sau khi Ủy ban nhân dân cùng cấp ký quyết định thu hồi đất, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức bàn giao đất trên thực địa cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất hoặc Trung tâm phát triển quỹ đất quản lý trong thời gian chờ lập, phê duyệt phương án sử dụng đối với quỹ đất bàn giao cho địa phương. Hồ sơ bàn giao đất trên thực địa gồm:*

*a) Biên bản bàn giao đất trên thực địa;*

*b) Biên bản giao giấy tờ liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất đang có tại công ty nông, lâm nghiệp (nếu có).”*

1. **Bổ sung Điều 8b như sau:**

*“****Điều 8b. Rà soát, xác định diện tích và ranh giới đất đối với quỹ đất bàn giao cho địa phương để lập phương án sử dụng đất sơ bộ***

*1. Sau khi có quyết định thu hồi đất và bàn giao đất trên thực địa, Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm rà soát, xác định diện tích và ranh giới đất bàn giao về địa phương và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo lập phương án sử dụng đất sơ bộ. Nội dung báo cáo rà soát, xác định diện tích và ranh giới đất gồm:*

*a) Xác định vị trí, ranh giới, diện tích đất theo loại đất, đối tượng sử dụng, hình thức sử dụng (được giao, cho thuê; nhận giao khoán đất, loại hình giao khoán; liên doanh liên kết, hợp tác đầu tư…; nhận chuyển nhượng, cho tặng, chia tách thửa đất từ các hình thức trên…), thời hạn hợp đồng, thời hạn sử dụng đất trên cơ sở bản đồ, hồ sơ, tài liệu quản lý đất đai hiện có;*

*b) Tổng hợp diện tích đất theo từng loại đất, đối tượng sử dụng, hình thức sử dụng, thời hạn hợp đồng, thời hạn sử dụng đất, theo từng đơn vị hành chính cấp xã, theo nguồn gốc đất thu hồi quy định tại Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 118/2014/NĐ-CP (đất của các công ty giải thể; đất do thu hẹp nhiệm vụ không còn nhu cầu sử dụng; đất không sử dụng, đất công ty đang khoán trắng, sử dụng không đúng mục đích; diện tích đất đã chuyển nhượng; diện tích đất đã bán vườn cây; đất kết cấu hạ tầng không phục vụ sản xuất; đất ở theo quy hoạch của địa phương đã được phê duyệt và các loại đất khác phải thu hồi theo quy định của pháp luật về đất đai).*

*c) Giao trách nhiệm cho Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất phương án sử dụng đối với diện tích đất trên địa bàn từng huyện, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để Sở Tài nguyên và Môi trường lập phương án sử dụng đất sơ bộ.*

*2. Sau khi có ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về kết quả rà soát, xác định diện tích và ranh giới đất và giao nhiệm vụ lập phương án sử dụng đất sơ bộ, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trìlập phương án sử dụng đất sơ bộ gửi lấy ý kiến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất; hoàn thiện phương án sử dụng đất sơ bộ và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án sử dụng đất sơ bộ gồm:*

*a) Tờ trình đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án sử dụng đất sơ bộ;*

*b) Báo cáo thuyết minh tổng hợp về phương án sử dụng đất sơ bộ gồm các nội dung cơ bản sau:*

*- Đối tượng sử dụng đất, hình thức sử dụng đất, diện tích, vị trí, ranh giới, loại đất đối với quỹ đất thu hồi có nguồn gốc là đất do công ty giao khoán; đất đã chuyển nhượng, đất đã bán vườn cây; đất ở theo quy hoạch của địa phương đã được phê duyệt.*

*- Vị trí, ranh giới, diện tích đất đối với quỹ đất thu hồi có nguồn gốc là đất của các công ty giải thể; đất do thu hẹp nhiệm vụ không còn nhu cầu sử dụng; đất không sử dụng, sử dụng không đúng mục đích; đất kết cấu hạ tầng không phục vụ sản xuất; các loại đất khác phải thu hồi theo quy định của pháp luật về đất đai và phương án sử dụng để xây dựng các công trình công cộng, để giao đất cho đồng bào dân tộc thiểu số ở địa phương không có đất hoặc thiếu đất sản xuất, đểcho người đang nhận giao khoán trực tiếp sản xuất tiếp tục sử dụng.*

*- Các giải pháp tổ chức thực hiện;*

*c) Bản đồ phương án sử dụng đất sơ bộ được lập trên nền bản đồ địa chính, tài liệu bản đồ đang sử dụng để quản lý đất hoặc bản đồ hiện trạng sử dụng đất hiện có theo từng đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn, trong đó phải xác định rõ vị trí, ranh giới, diện tích đất bàn giao cho địa phương.*

*Trường hợp vị trí, ranh giới, diện tích đất không thể hiện được trên bản đồ hiện có thì phải có sơ đồ vị trí hiện trạng thửa đất;*

*d) Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất về đề xuất phương án sử dụng đất.”*

1. **Bổ sung Điều 8b như sau:**

*“****Điều 8c. Đo đạc, lập, chỉnh lý bản đồ địa chính để hoàn thiện phương án sử dụng đất***

*1. Sau khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án sử dụng đất sơ bộ, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện việc đo đạc xác định cụ thể vị trí, ranh giới, diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất, lập, chỉnh lý bản đồ địa chính để hoàn thiện phương án sử dụng đất.*

*2. Việc lập phương án sử dụng đất đối với phần diện tích bàn giao cho địa phương thực hiện theo các căn cứ sau:*

*a) Đề án hoặc Phương án sắp xếp, đổi mới và phát triển công ty nông, lâm nghiệp đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.*

*b) Phương án sử dụng đất sơ bộ đối với phần diện tích bàn giao cho địa phương;*

*c) Kết quả đo đạc xác định cụ thể vị trí, ranh giới, diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất, lập, chỉnh lý bản đồ địa chính;*

*d) Thứ tự ưu tiên sử dụng đất đối với quỹ đất bàn giao cho địa phương Khoản 4 Điều 46 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 118/2014/NĐ-CP*

*đ) Diện tích đất nông nghiệp tính bình quân theo nhân khẩu nông nghiệp của đơn vị hành chính cấp xã khi thực hiện việc giao đất nông nghiệp, lâm nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân theo quy định của pháp luật về đất đai theo các thời kỳ.*

*Đối với địa phương trước đây không xác định diện tích đất nông nghiệp tính bình quân theo nhân khẩu nông nghiệp của đơn vị hành chính cấp xã thì nay xác định theo cách tính bằng tổng diện tích đất nông nghiệp trong đơn vị hành chính cấp xã sau khi đã trừ đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn chia cho tổng nhân khẩu nông nghiệp của đơn vị hành chính cấp xã tại thời điểm lập phương án sử dụng đất.*

*4. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trìlập phương án sử dụng đất gửi lấy ý kiến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xãnơi có đất; tổng hợp ý kiến và hoàn thiện phương án sử dụng đất, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét quyết định. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án sử dụng đất gồm:*

*a) Tờ trình đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án sử dụng đất.*

*b) Báo cáo thuyết minh tổng hợp về phương án sử dụng đất đã được cập nhật chính xác thông tin, số liệu theo kết quả đo đạc, lập bản đồ địa chính.*

*c) Bản đồ phương án sử dụng đất đã được cập nhật chính xác thông tin, số liệu theo kết quả đo đạc, lập bản đồ địa chính.*

*d) Báo cáo kết quả lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về phương án sử dụng đất.*

*đ) Tài liệu khác liên quan đến phương án sử dụng đất (nếu có).*”

1. **Bổ sung Điều 8d như sau:**

**“*Điều 8d. Tổ chức thực hiện phương án sử dụng đất được phê duyệt***

*Tổ chức thực hiện việc giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất cho người đang sử dụng theo phương án sử dụng đất đã được phê duyệt theo quy định sau:*

*1. Cơ quan tài nguyên và môi trường lập hồ sơ giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất cho người đang sử dụng trình cấp có thẩm quyền quyết định. Hồ sơ gồm:*

*a) Đơn xin giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân;*

*b) Bản sao bản thuyết minh dự án đầu tư đối với trường hợp sử dụng đất phải lập dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư (nếu có);*

*c) Văn bản luân chuyển thông tin nghĩa vụ tài chính cho cơ quan tài chính (nếu có);*

*d) Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất do cơ quan tài nguyên và môi trường lập.*

*đ) Tờ trình kèm theo dự thảo quyết định giao đất hoặc dự thảo quyết định cho thuê đất hoặc hoặc dự thảo quyết định công nhận quyền sử dụng đất.*

*2. Sau khi Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất, cơ quan có thẩm quyền tổ chức xác định nghĩa vụ tài chính, người sử dụng đất có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định (nếu có).*

*3. Sau khi người sử dụng đất thực hiện xong nghĩa vụ tài chính theo quy định (nếu có), cơ quan tài nguyên và môi trường ký hợp đồng cho thuê đất đối với trường hợp thuê đất, tổ chức trao Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất và bàn giao đất trên thực địa; cập nhật hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai. Hồ sơ bàn giao đất trên thực địa gồm:*

*a) Biên bản giao đất trên thực địa;*

*b) Biên bản giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;*

*c) Biên bản giao giấy tờ liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất (nếu có).”*

1. **Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:**

“***Điều 10. Giao đất, cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận đối với công ty nông, lâm nghiệp***

*Tổ chức thực hiện việc công nhận quyền sử dụng đất theo phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp đã được phê duyệt theo quy định sau:*

*1. Sở Tài nguyên và Môi trường lập hồ sơ công nhận quyền sử dụng đất cho người đang sử dụng trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận quyền sử dụng đất gồm:*

*a) Đơn đăng ký sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp;*

*b) Văn bản luân chuyển thông tin nghĩa vụ tài chính cho cơ quan tài chính (nếu có);*

*c) Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất do cơ quan tài nguyên và môi trường lập. Trường hợp bản đồ, hồ sơ, tài liệu quản lý đất đai hiện có không thể lập trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất thì phải tổ chức đo đạc, lập bản đồ địa chính để hoàn thiện hồ sơ.*

*d) Tờ trình kèm theo dự thảo quyết định công nhận quyền sử dụng đất, trong nội dung quyết định công nhận quyền sử dụng đất xác định rõ hình thức sử dụng đất là giao đất không thu tiền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất, thuê đất theo quy định.*

*2. Sau khi Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định công nhận quyền sử dụng đất, công ty nông, lâm nghiệp có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định (nếu có).*

*3. Sau khi công ty nông, lâm nghiệp thực hiện xong nghĩa vụ tài chính theo quy định (nếu có), Sở Tài nguyên và Môi trường ký hợp đồng cho thuê đất đối với trường hợp thuê đất, cơ quan có thẩm quyền tổ chức xác định nghĩa vụ tài chính, tổ chức trao Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất và bàn giao đất trên thực địa; cập nhật hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai. Hồ sơ bàn giao đất trên thực địa gồm:*

*a) Biên bản giao đất trên thực địa;*

*b) Biên bản giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;*

*c) Biên bản giao giấy tờ liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất (nếu có).”*

1. **Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai**

Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

***“Điều 4. Việc sử dụng đất trong dự án sản xuất, kinh doanh thực hiện theo phương thức thỏa thuận mua tài sản gắn liền với đất, nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất***

*1. Sau khi có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư thì Sở Tài nguyên và Môi trường nơi có đất có trách nhiệm lập hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét có văn bản chấp thuận hoặc trả lời tổ chức kinh tế về việc nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất đối với trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 16 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP (được bổ sung tại Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP). Hồ sơ gồm:*

*a) Văn bản đề nghị của tổ chức kinh tế theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định 148/2020/NĐ-CP;*

*b) Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường kèm theo dự thảo văn bản chấp thuận hoặc dự thảo văn bản trả lời tổ chức kinh tế về việc nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất.*

*2. Việc thu hồi phần diện tích đất có vị trí nằm xen kẽ với phần diện tích đất mà chủ đầu tư dự án đã nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đấtquy định tại Điểm b Khoản 5 Điều 16 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai (được bổ sung tại Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP) được thực hiện theo quy định về thu hồi đất để sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng.*

*3. Trường hợp chủ đầu tư nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất sử dụng đất để dự án sản xuất, kinh doanh mà chưa có Giấy chứng nhận thì phải làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận trước khi thực hiện quyền chuyển nhượng, cho thuê quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đấttheo quy định của pháp luật.”*

1. **Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 24/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 sửa đổi và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành, liên tịch ban hành của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường**

6. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 9 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số [01/2017/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/nghi-dinh-01-2017-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-huong-dan-luat-dat-dai-337031.aspx" \o "Nghị định 01/2017/NĐ-CP" \t "_blank) ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai như sau:

“1. Bổ sung Điều 5a như sau:

***Điều 5a. Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và đất rừng đặc dụng để thực hiện dự án đầu tư***

1. Hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để thẩm định gồm:

a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Mẫu số 03a ban hành kèm theo Thông tư này;

b) *Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật vềđầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công* mà còn hiệu lực thực hiện.

*Đối với các dự án không phải chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tưthì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có nội dung giải trình cụ thể trong Tờ trình quy định tại Điểm a Khoản này do thuộc một trong các trường hợp sau:*

*- Dự án đầu tư do Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư; dự án đầu tư do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư;*

*- Nhà đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận đầu tư theo quy định pháp luật về đầu tư, nhà ở, đô thị và xây dựng trước ngày 01/01/2021 (ngày Luật Đầu tư năm 2020 có hiệu lực thi hành;*

*- Dự án đầu tư không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, nhà ở, đô thị, xây dựng và nhà đầu tư đã triển khai thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật trước ngày 01/01/2021;*

*- Nhà đầu tư đã trúng đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, trúng đấu giá quyền sử dụng đất trước ngày 01/01/2021;*

*- Dự án được cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước ngày 01/01/2021.*

c) Quyết định phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và Báo cáo Thuyết minh; trích sao bản đồ kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

d) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất đối với trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai;

đ) Phương án trồng rừng thay thế đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc văn bản hoàn thành trách nhiệm nộp tiền trồng rừng thay thế theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp đối với dự án chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng;

*e) Bảng theo dõi kết quả thực hiện chỉ tiêu quy hoạch chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang mục đích khác trên địa bàn cấp tỉnh, cấp huyện được cập nhật đến thời điểm Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký Tờ trình quy định tại điểm a khoản này theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này;*

2. Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ do Bộ Tài nguyên và Môi trường lập gồm:

a) *Văn bản*trình Thủ tướng Chính phủ;

b) *Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*quy định tại Khoản 1 Điều này;

c) Văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, ngành có liên quan về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và đất rừng đặc dụng để thực hiện dự án đầu tư*(nếu có)*.*”*

1. **Giao đất, cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận đối với công ty nông, lâm nghiệp**

“*1. Sau khi phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp đã được phê duyệt thì cập nhật, bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để tổ chức thực hiện theo quy định.*

*2. Sau khi quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản giao nhiệm vụ cho Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tổ chức việc giao đất, cho thuê đất cho công ty nông, lâm nghiệp.*

*3. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất, công ty nông, lâm nghiệp lập hồ sơ giao đất, cho thuê đất; hồ sơ giao đất, cho thuê đất gồm:*

*a) Tờ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc giao đất, cho thuê đất cho công ty nông, lâm nghiệp;*

*b) Dự thảo quyết định giao đất, cho thuê đất cho công ty nông, lâm nghiệp;*

*c) Phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp đã được phê duyệt;*

*d) Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất được lập trên cơ sở bản đồ, hồ sơ, tài liệu quản lý đất đai hiện có tại thời điểm phê duyệt phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp (đã được lập khi lập phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp).*

*Trường hợp không thể lập trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất theo kết quả đo đạc, lập bản đồ, hồ sơ, tài liệu quản lý đất đai hiện có tại thời điểm phê duyệt phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp thì Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức lập trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất theo quy định để bổ sung hồ sơ giao đất, cho thuê đất.*

*4. Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức xác định giá đất tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định để giao đất, cho thuê đất cho công ty nông, lâm nghiệp; trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất; ký hợp đồng thuê đất đối với trường hợp thuê đất.*

*5. Công ty nông, lâm nghiệp nộp tiền sử dụng đất đối với trường hợp giao đất có thu tiền sử dụng đất, nộp tiền thuê đất đối với trường hợp cho thuê đất theo quy định.*

*6. Sở Tài nguyên và Môi trường trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; tổ chức giao đất trên thực địa và trao Giấy chứng nhận cho người được giao đất, cho thuê đất; chỉ đạo cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính. Hồ sơ bàn giao đất trên thực địa gồm:*

*a) Biên bản giao đất trên thực địa (theo Mẫu số…);*

*b) Biên bản giao giấy tờ liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất trước thời điểm phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp đã được phê duyệt (nếu có).”*

**Chương III**

**HIỆU LỰC THI HÀNH**

1. **Quy định chuyển tiếp**

*1. Đối với dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng mà Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã nộp hồ sơ theo đúng quy định tại Điều 6 Thông tư 24/2019/TT-BTNMT về Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì không phải nộp lại hồ sơ theo quy định của Thông tư này.*

*2. Đối với phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, phương án sử dụng đất bàn giao cho địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện và không phải thực hiện theo quy định của Thông tư này.*

*Đối với phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp, phương án sử dụng đất bàn giao cho địa phương chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì phải thực hiện theo quy định của Thông tư này.*

1. **Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ...

2. Bãi bỏ khoản 2 Điều 19 của Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT, khoản 9, khoản 10 và khoản 18 Điều 7, khoản 1 Điều 12 của Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT.

3. Bỏ cụm từ “thay đổi do xác định lại diện tích đất ở trong thửa đất có vườn, ao gắn liền với nhà ở” tại Khoản 1 Điều 19 của Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27 tháng 01 năm 2015 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Đối với Sổ địa chính, Sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mà theo quy định tại Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 quy định về hồ sơ địa chính được lập theo đơn vị hành chính cấp xã, đối với nơi không có đơn vị hành chính cấp xã thì các loại sổ này được lập theo đơn vị hành chính cấp huyện.

1. **Trách nhiệm thực hiện**

1. Tổng cục Quản lý đất đai chịu trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc thực hiện Thông tư này.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện Thông tư này ở địa phương và rà soát, bãi bỏ các quy định của địa phương trái với quy định của Thông tư này.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện Thông tư này ở địa phương.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài nguyên và Môi trường để xem xét, giải quyết.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng Chính phủ;  - Văn phòng Trung ương Đảng;  - Văn phòng Quốc hội;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;  - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;  - Toà án nhân dân tối cao;  - UBTƯ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;  - Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;  - Bộ Tài nguyên và Môi trường: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ, Cổng TTĐT Bộ;  - UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;  - Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;  - Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;  - Công báo; Cổng thông tin điện tử Chính phủ;  - Cổng TTĐT Bộ Tài nguyên và Môi trường;  **-** Lưu VT, Vụ PC, TCQLĐĐ. | **bỘ trƯỞng**  **Trần Hồng Hà** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | | | | | **Mẫu số 04đ/ĐK** | | |
|  |  |  |
| **PHẦN GHI CỦA NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ**  Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng, thống nhất với giấy tờ xuất trình.  Vào sổ tiếp nhận hồ sơ số:.......Quyển....  *Ngày…... / ...… / .......…*  **Người nhận hồ sơ**  *(Ký và ghi rõ họ, tên)* | | |
|  | | | | |
| **ĐƠN ĐĂNG KÝ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN**  **QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở**  **VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**  *(Sử dụng cho trường hợp dồn điền, đổi thửa)* | | | | |
|  | | | | |
| Kính gửi: ...................................................................... | | | | |
|  | | | | |
| **I. PHẦN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ**  *(Xem hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xoá, sửa chữa trên đơn)* | | | | | | | |
| **1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất**  1.1. Tên *(viết chữ in hoa):* ...................................................................................................................  …………………………………………….……………………………………………………………...  1.2. Địa chỉ(1): ………………………………..……………………………………………………...  …………………………………………….……………………………………………………………... | | | | | | | |
| **2. Giấy chứng nhận đã cấp**  2.1. Số vào sổ cấp GCN:……….………; 2.2. Số phát hành GCN:………………….…..…;  2.3. Ngày cấp GCN: …… / …… / …… | | | | | | | |
| **3. Thông tin thửa đất theo bản đồ địa chính được lập, chỉnh lý do dồn điền, đổi thửa** | | | | | | | |
| Tờ bản đồ số | Thửa đất số | Diện tích (m2) | | Nội dung thay đổi khác | | | |
|  |  |  | |  | | | |
|  |  |  | |  | | | |
|  |  |  | |  | | | |
|  |  |  | |  | | | |
| 3.1. Thông tin thửa đất theo GCN đã cấp:  - Thửa đất số: …………………..…….……;  - Tờ bản đồ số: ………………………….…;  - Diện tích: ………..…...…….................. m2  - ………………………….…….……………  - ………………………….….……………… | | | 3.2. Thông tin thửa đất mới thay đổi:  - Thửa đất số: ………………..…….…….….;  - Tờ bản đồ số: ………………..…….……....;  - Diện tích: …….…………...……............. m2  - …………………………….…………………  - …………………………….………………… | | | | |
| **4. Những giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi nộp kèm theo**  - Giấy chứng nhận đã cấp;  …………………………………………….……………………………………………………………...…………………………………………….……………………………………………………………...…………………………………………….……………………………………………………………...…………………………………………….……………………………………………………………... | | | | | | | |

Tôi cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*……………, ngày* ...... *tháng* …... năm.......

**Người viết đơn**

*(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)*

|  |  |
| --- | --- |
| **II. Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI** | |
| …………………………………………….……………………………………………………………...…………………………………………….……………………………………………………………...…………………………………………….……………………………………………………………...…………………………………………….…………………………………………………………...  *(Nêu rõ kết quả kiểm tra hồ sơ và ý kiến đồng ý hay không đồng ý với đề nghị cấp GCN; lý do ).* | |
| *Ngày……*. *tháng…… năm* …...  **Người kiểm tra**  *(Ký, ghi rõ họ, tên và chức vụ)* | *Ngày……*. *tháng…… năm* …...  **Giám đốc**  *(Ký tên, đóng dấu)* |

(1) Kê khai theo đúng tên và địa chỉ như trên GCN đã cấp. Trường hợp có thay đổi thì ghi cả thông tin trước và sau khi thay đổi và nộp giấy tờ chứng minh sự thay đổi kèm theo.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------**    **ĐƠN ĐĂNG KÝ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**  *(Sử dụng cho trường hợp đơn vị hành chính cấp huyện không có đơn vị hành chính cấp xã)*    **Kính gửi: ……………………………………………** | | | | **Mẫu số 04e/ĐK** | |
| PHẦN GHI CỦA NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ  Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng, thống nhất với giấy tờ xuất trình.  Vào sổ tiếp nhận hồ sơ số: ….. Quyển …..  Ngày …../…../….. Người nhận hồ sơ (Ký và ghi rõ họ, tên) | |
| **I. PHẦN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ**  *(Xem kỹ hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)* | | | | | |
| **1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người quản lý đất**  1.1. Tên *(viết chữ in hoa):*………………………………………………………………………  ……………………………………………………………………………………………………  1.2. Địa chỉ thường trú(1): …………………………………………………………………………… | | | | | |
| **2. Đề nghị:** | - Đăng ký QSDĐ   - Cấp GCN đối với đất  | Đăng ký quyền quản lý đất   Cấp GCN đối với tài sản trên đất  | | | *(Đánh dấu √ vào ô trống lựa chọn)* |
| **3. Thửa đất đăng ký** (2) …………………………………………………………………………….  3.1. Thửa đất số: …………………………; 3.2. Tờ bản đồ số: …………………………………;  3.3. Địa chỉ tại: …………………………………………………………………………………;  3.4. Diện tích: …………… m²; sử dụng chung: …………… m²; sử dụng riêng: …………. m²;  3.5. Sử dụng vào mục đích: ………………………………. , từ thời điểm: ……………………..;  3.6. Thời hạn đề nghị được sử dụng đất: ………………………………………………………..;  3.7. Nguồn gốc sử dụng(3): …………………………………………………………………………;  3.8. Có quyền sử dụng hạn chế đối với thửa đất số ……., của ……………….., nội dung quyền sử dụng ………………………………………………………………………………………..; | | | | | |
| **4. Tài sản gắn liền với** **đất** *(Chỉ kê khai nếu có nhu cầu được chứng nhận quyền sở hữu tài sản)* | | | | | |
| ***4.1. Nhà ở, công trình xây dựng khác:***  a) Loại nhà ở, công trình(4): ………………………………………………………………………;  b) Diện tích xây dựng: …………………….. (m²);  c) Diện tích sàn *(đối với nhà)* hoặc công suất *(đối với công trình khác):* ………………………;  d) Sở hữu chung: ……………………………..m², sở hữu riêng: ……………………………..m²;  đ) Kết cấu: ……………………………………..; e) Số tầng: ……………………………………;  g) Thời hạn sở hữu đến: ……………………………………………………………………………  *(Trường hợp có nhiều nhà ở, công trình xây dựng khác thì chỉ kê khai các thông tin chung và tổng diện tích của các nhà ở, công trình xây dựng; đồng thời lập danh sách nhà ở, công trình kèm theo đơn)* | | | | | |
| ***4.2. Rừng sản xuất là rừng trồng:*** | | | ***4.3. Cây lâu năm:*** | | |
| a) Loại cây chủ yếu: ……………………….  b) Diện tích: ………………………….. m²;  c) Nguồn gốc tạo lập:  - Tự trồng rừng:                                       - Nhà nước giao không thu tiền:                - Nhà nước giao có thu tiền:                     - Nhận chuyển quyền:                              - Nguồn vốn trồng, nhận quyền:   ……..      d) Sở hữu chung: ….m², Sở hữu riêng: ....m2;  đ) Thời hạn sở hữu đến: ……………………… | | | a) Loại cây chủ yếu: ……………….;  b) Diện tích: …………………………m²;  c) Sở hữu chung: …………………..m²,  Sở hữu riêng: ………………………m²;  d) Thời hạn sở hữu đến: ………………… | | |
| **5. Những giấy tờ nộp kèm theo:** …………………………………………………………………..  ……………………………………………………………………………………………………….  ………………………………………………………………………………………………………. | | | | | |
| **6.** **Có nhu cầu ghi nợ đối** **với** **loại** **nghĩa vụ tài chính:** …………………………………………  Đề nghị khác: ……………………………………………………………………………………… | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |

Tôi xin cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *…………., ngày .... tháng ... năm ……* **Người viết đơn** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)* |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **II. XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CHUYÊN MÔN PHỤ TRÁCH VỀ LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CẤP HUYỆN**  *(Xác nhận đối với trường hợp hộ gia đình cá nhân, cộng đồng dân cư; người Việt Nam định cư ở nước ngoài sở hữu nhà ở, trừ trường hợp mua nhà, đất của tổ chức đầu tư xây dựng nhà ở để bán)* | | |
| 1. Nội dung kê khai so với hiện trạng: …  2. Nguồn gốc sử dụng đất: ...........................................................................................................  3. Thời điểm sử dụng đất vào mục đích đăng ký: .......................................................................  4. Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất : ..............................................................................  5. Tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất:.……….…..........................................  6. Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng: …..………….........................  7. Nội dung khác :……………………………………………………………………………. | | |
| *Ngày……*. *tháng…… năm* …...  **Công chức địa chính**  *(Ký, ghi rõ họ, tên)* | | *Ngày……*. *tháng…… năm* …...  **TM. Uỷ ban nhân dân**  **Chủ tịch**  *(Ký tên, đóng dấu)* |
| *(Trường hợp có giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì không xác nhận các nội dung tại các Điểm 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Mục này; đăng ký riêng về đất thì không xác nhận nội dung Điểm 4; đăng ký riêng tài sản thì không xác nhận nội dung Điểm 2 và Điểm 3 Mục này )* | | |
| **III. Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI** | | |
| …………………  *(Phải nêu rõ có đủ hay không đủ điều kiện cấp GCN, lý do và căn cứ pháp lý áp dụng; trường hợp thửa đất có vườn, ao gắn liền nhà ở thì phải xác định rõ diện tích đất ở được công nhận và căn cứ pháp lý)* | | |
| *Ngày……*. *tháng…… năm* …...  **Người kiểm tra**  *(Ký, ghi rõ họ, tên và chức vụ)* | *Ngày……*. *tháng…… năm* …...  **Giám đốc**  *(Ký tên, đóng dấu)* | |

**Hướng dẫn:**

(1) Cá nhân ghi họ tên, năm sinh, số giấy CMND; hộ gia đình ghi chữ “Hộ ông” (hoặc “Hộ bà”), sau đó ghi họ tên, năm sinh, số giấy chứng minh nhân dân (nếu có) của hai vợ chồng chủ hộ (người có chung quyền sử dụng đất của hộ). Tổ chức ghi tên và quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư (gồm tên và số, ngày ký, cơ quan ký văn bản). Cá nhân nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài ghi họ tên, năm sinh, quốc tịch, số và ngày cấp, nơi cấp hộ chiếu. Trường hợp nhiều chủ cùng sử dụng đất, cùng sở hữu tài sản thì kê khai tên các chủ đó vào danh sách kèm theo).

(2) Trường hợp đăng ký nhiều thửa đất nông nghiệp mà không đề nghị cấp giấy hoặc đề nghị cấp chung một GCN nhiều thửa đất nông nghiệp thì tại dòng đầu của điểm 3 mục I chỉ ghi tổng số thửa và kê khai từng thửa vào danh sách kèm theo (Mẫu 04c/ĐK).

(3) Ghi cụ thể: được Nhà nước giao có thu tiền hay giao không thu tiền hay cho thuê trả tiền một lần hay thuê trả tiền hàng năm hoặc nguồn gốc khác.

(4) Ghi cụ thể: Nhà ở riêng lẻ, căn hộ chung cư, văn phòng, nhà xưởng, nhà kho,…

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | | **Mẫu số 09/ĐK[[1]](#footnote-2)** |
|  | |  |  |
| **PHẦN GHI CỦA NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ**  Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng, thống nhất với giấy tờ xuất trình.  Vào sổ tiếp nhận hồ sơ số:.......Quyển....  *Ngày…... / ...… / .......…*  **Người nhận hồ sơ**  *(Ký và ghi rõ họ, tên)* |
|  | |
| **ĐƠN ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG**  **ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT** | |
|  | |
| Kính gửi: ......................................................................... | |
|  | |
| **I. PHẦN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ**  *(Xem hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xoá, sửa chữa trên đơn)* | | |
| **1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất**  1.1. Tên *(viết chữ in hoa):* .......................................................................................................................  …………………………………………….………………………………………………………………  1.2. Địa chỉ(1):……………..…………………………………………………………………………… | | |
| **2. Giấy chứng nhận đã cấp**  2.1. Số vào sổ cấp GCN:……….………; 2.2. Số phát hành GCN:…………..……………;  2.3. Ngày cấp GCN … / … / …… …….; | | |
| **3. Nội dung biến động về:** .......................................................................................................... | | |
| 3.1. Nội dung trên GCN trước khi biến động:  -.…………………………………………….;  ……………………………………………….;  ……………………………………………….;  ……………………………………………….;  ……………………………………………….;  ……………………………………………….; | 3.2. Nội dung sau khi biến động:  -….……………………………………….;  ……………………………….….………...;  ………………………….……….………...;  ………………………….……….………...;………………………….……….………...;………………………….……….………...; | |
| **4. Lý do biến động**  …………………………………………………………………………………………………………….  ……………………………………………………………………………………………………………. | | |
| **5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với thửa đất đăng ký biến động**  …………………………………………………………………………………………………………….  …………………………………………………………………………………………………………….  ……………………………………………………………………………………………………………. | | |
| **6. Giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi nộp kèm theo đơn này gồm có:**  - Giấy chứng nhận đã cấp;  …………………………………………………………………………………………………………….  ……………………………………………………………………………………………………………. | | |

Tôi  có nhu cầu cấp GCN mới  không có nhu cầu cấp GCN mới

Tôi cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*…, ngày* ... *tháng …. năm...*

**Người viết đơn**

*(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)*

|  |  |
| --- | --- |
| **II- XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ**  *(Đối với hộ gia đình, cá nhân đề nghị được tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp khi hết hạn sử dụng và đối với trường hợp chứng nhận bổ sung quyền sở hữu tài sản vào Giấy chứng nhận đã cấp)* | |
| …………………………………………………………………………………………………………….  …………………………………………………………………………………………………………….  ……………………………………………………………………………………………………………. | |
| *Ngày……*. *tháng…… năm* …...  **Công chức địa chính**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *Ngày……*. *tháng…… năm* …...  **TM. Ủy ban nhân dân**  **Chủ tịch**  *(Ký tên, đóng dấu)* |
| **III- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI** | |
| …………………………………………………………………………………………………………….  …………………………………………………………………………………………………………….  …………………………………………………………………………………………………………….  ……………………………………………………………………………………………………………. | |
| *Ngày……*. *tháng…… năm* …...  **Người kiểm tra**  *(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)* | *Ngày……*. *tháng…… năm* …...  **Giám đốc**  *(Ký tên, đóng dấu)* |
| **IV- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG** *(Chỉ ghi ý kiến đối với trường hợp gia hạn sử dụng đất)* | |
| …………………………………………………………………………………………………………….  ……………………………………………………………………………………………………………. | |
| *Ngày……*. *tháng…… năm* …...  **Người kiểm tra**  *(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)* | *Ngày……*. *tháng…… năm* …...  **Thủ trưởng cơ quan**  *(Ký tên, đóng dấu)* |

*Chú ý:*

*- Kê khai theo đúng tên và địa chỉ như trên GCN đã cấp, trường hợp có thay đổi tên thì ghi cả thông tin trước và sau khi thay đổi và nộp giấy tờ chứng minh sự thay đổi.*

*- Đối với trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không thuộc trường hợp “dồn điền đổi thửa”; chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; trường hợp xác nhận thay đổi thông tin về pháp nhân, số Giấy chứng minh nhân dân, số thẻ Căn cước công dân, địa chỉ vào Giấy chứng nhận thì không kê khai, không xác nhận các thông tin tại Điểm 5 của mục I, các mục II, III và IV của Đơn này;*

*Riêng trường hợp hộ gia đình, cá nhân nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp thì tại Điểm 4 của mục I thể hiện như sau: “Nhận … (ghi hình thức chuyển quyền sử dụng đất) …m2 đất (ghi diện tích đất nhận chuyển quyền); tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng do nhận chuyển quyền từ ngày 01/7/2014 đến nay là … m2 (ghi cụ thể diện tích nhận chuyển quyền theo từng loại đất, từng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).*

*- Đối với trường hợp xác định lại diện tích đất ở cho hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận thì không kê khai, không xác nhận các thông tin tại Điểm 5 của Mục I, các mục II và IV của Đơn này.*

**Phụ lục số 01**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số …../2021/TT-BTNMT ngày … tháng …*

*năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**MẪU CHỨNG CHỈ ĐỊNH GIÁ ĐẤT**

Trang 1:

Trên cùng là Quốc hiệu: “**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**” được trình bày bằng phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 12, viết in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu nhũ vàng. Tiếp đến là hình Quốc huy nổi, màu nhũ vàng.

Dòng chữ “**CHỨNG CHỈ**” ở giữa trang, được trình bày bằng phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 20, viết in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu nhũ vàng.

Sau đó là dòng chữ “**ĐỊNH GIÁ ĐẤT**” ở giữa trang, được trình bày bằng phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 18, viết in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu nhũ vàng.

Trang 2:

Dòng trên cùng là “BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG” được trình bày bằng phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 12, viết in hoa, kiểu chữ đứng, màu đen.

Dòng tiếp theo là "**TỔNG CỤC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI**" được trình bày bằng phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 12, viết in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen;

Tiếp theo là ảnh màu (4x6cm) của học viên được cấp Chứng chỉ định giá đất có đóng dấu giáp lai của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Dòng chữ “Có giá trị đến:*…*” được trình bày bằng phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 12, kiểu chữ đứng; dòng chữ “Số Chứng chỉ:…” được trình bày bằng phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 12, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen.

Trang 3:

Trên cùng là Quốc hiệu “**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**” được trình bày bằng phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 12, viết in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen.

Dòng chữ dưới “**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**” được trình bày bằng phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 12, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen; phía dưới có dòng kẻ ngang, nét liền có độ dài bằng độ dài của dòng chữ.

Dòng chữ “**CHỨNG CHỈ ĐỊNH GIÁ ĐẤT**”, được trình bày bằng phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 13, viết in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen;

Tiếp đến là dòng chữ “**TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI**”, được trình bày bằng phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 10, viết in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen.

Các dòng ghi “Cấp cho ông/bà:”; “Ngày sinh:”; “Quốc tịch:”; “Số CMND/CCCD/Hộ chiếu, Ngày cấp, Nơi cấp”, “Được hành nghề tư vấn xác định giá đất trong phạm vi cả nước” được trình bày bằng phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 12, kiểu chữ đứng, màu đen.

Dòng chữ “*Hà Nội, ngày… tháng… năm…*” được trình bày bằng phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 12, kiểu chữ nghiêng, màu đen.

Trang 4:

Nội dung được trình bày bằng phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 12, kiểu chữ đứng, màu trắng.

Nội dung và hình thức cụ thể của Chứng chỉ định giá đất như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **(QUỐC HUY)**  **CHỨNG CHỈ**  **ĐỊNH GIÁ ĐẤT** | Người được cấp Chứng chỉ định giá đất phải chấp hành các quy định sau đây:  1. Không được sửa chữa, tẩy xóa lên bề mặt hoặc nội dung của Chứng chỉ định giá đất;  2. Không được cho thuê, cho mượn hoặc cho các tổ chức, cá nhân khác sử dụng tên và Chứng chỉ định giá đất của mình để thực hiện các hoạt động tư vấn xác định giá đất;  3. Không được sử dụng vào các mục đích khác mà pháp luật không cho phép. |
| Trang bìa 1 | Trang bìa 4 |
| BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  **TỔNG CỤC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI**  Ảnh 4x6 của người được cấp Chứng chỉ  (đóng dấu giáp lai của Bộ TN&MT)  Có giá trị đến:  Số Chứng chỉ: | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **CHỨNG CHỈ ĐỊNH GIÁ ĐẤT**  **TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI**  Cấp cho ông/bà:  Ngày sinh:  Quốc tịch:  Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:  Ngày cấp: Nơi cấp:  Được hành nghề tư vấn xác định giá đất trong phạm vi cả nước.  *Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm .....*  **TỔNG CỤC TRƯỞNG** |
| Trang 2 | Trang 3 |

[**Phụ lục số 05**](#_Điều_30._Thu)

*(Ban hành kèm theo Thông tư số …../2021/TT-BTNMT ngày … tháng …*

*năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  **TỔNG CỤC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI**  Số: /QĐ-TCQLĐĐ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc cấp Chứng chỉ định giá đất**

**TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI**

*Căn cứ Quyết định số 02/2018/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Quản lý đất đai trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2015/TT-BTNMT ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định về cấp và quản lý Chứng chỉ định giá đất;*

*Căn cứ Thông tư số …….. sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2015/TT-BTNMT ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định về cấp và quản lý Chứng chỉ định giá đất;*

*Theo đề nghị của …………………………………………………..,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp Chứng chỉ định giá đất cho các cá nhân đủ điều kiện cấp Chứng chỉ *(danh sách kèm theo).*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Cục trưởng Cục Kinh tế và Phát triển quỹ đất, Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 2;  - Lưu: VT, CKTPTQĐ. | **TỔNG CỤC TRƯỞNG** |

[**Phụ lục số 06**](#_Điều_30._Thu)

*(Ban hành kèm theo Thông tư số …../2021/TT-BTNMT ngày … tháng …*

*năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  **TỔNG CỤC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI**  Số: /QĐ-TCQLĐĐ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thu hồi Chứng chỉ định giá đất**

**TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI**

*Căn cứ Quyết định số 02/2018/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Quản lý đất đai trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2015/TT-BTNMT ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định về cấp và quản lý Chứng chỉ định giá đất; Thông tư số …….. sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2015/TT-BTNMT ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định về cấp và quản lý Chứng chỉ định giá đất;*

*Theo đề nghị của …………………………………………………..,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thu hồi Chứng chỉ định giá đất của ông (bà)..........., số Chứng chỉ.... cấp ngày ..../.../.... do thuộc các trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ định giá đất quy định tại Điều 8 Thông tư số 61/2015/TT-BTNMT ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định về cấp và quản lý Chứng chỉ định giá đất.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Cục trưởng Cục Kinh tế và Phát triển quỹ đất, Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất nơi cá nhân có Chứng chỉ định giá đất bị thu hồi hành nghề và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 2;  - Lưu: VT, CKTPTQĐ. | **TỔNG CỤC TRƯỞNG** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA/ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ/ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG**  **TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH …..** | | | | | | | | | | | | | | |
| *(Kèm theo Công văn số /……….. Ngày……..tháng……..năm…...của Ủy ban nhân dân tỉnh……..)* | | | | | | | | | | | | | | |
| **STT** | **Hạng mục** | | **Đất trồng lúa (ha)** | | | | **Đất rừng phòng hộ** |  |  |  | **Đất rừng đặc dụng** |  |  |  | **Ghi chú** (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản) |
| Toàn tỉnh | Trong đó |  |  | Toàn tỉnh | Trong đó |  |  | Toàn tỉnh | Trong đó |  |  |
| Huyện… | …. | …. | Huyện… | …. | …. | Huyện… | …. | …. |
| **I** | **Diện tích đất được Chính phủ cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trong quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **Diện tích đất đã được Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Hội đồng nhân dân tỉnh cho chuyển mục đích sử dụng đất** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **Tổng bằng (1) + (2) + (3)** |
| II.1 | Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ có văn bản chấp thuận cho phép chuyển mục đích sử dụng đất | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | …… | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | ……… | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| II.2 | Diện tích đất đã được Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư bằng văn bản | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | …… | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | ……… | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| II.3 | Diện tích đất đã được Hội đồng nhân dân thông qua việc chuyển MĐSD đất…. | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | …… | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | ……… | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| II.4 | Diện tích đất đã có quyết định của UBND cấp có thẩm quyền để thực hiện các công trình, dự án (thu hồi/giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất) | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| II.5 | Diện tích đất hủy bỏ các công trình, dự án đã có văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép CMĐSDĐ nhưng sau 03 năm không thực hiện… | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **III** | **Diện tích đất còn lại thuộc chỉ tiêu Chính phủ cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (III=I-II+II.5)** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **Tổng bằng (I) - (II.1) – (II.2) – (II.3) + (II.5)** |

1. Sửađổi, bổ sung Mẫu số 09/ĐK ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơđịa chính. [↑](#footnote-ref-2)